

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH XUYỀN  
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 29 tháng 8 năm 2022  
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hào

2. Ông Nguyễn Quang Thái

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Văn Tuấn - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT: Thôn VP, xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện cư trú: Thôn PK, xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn VP, xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn với nhau ngày 17/9/1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Việc kết hôn là do anh chị tự nguyện, không ai bị lừa dối, hay bị cưỡng ép kết hôn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu trong thời gian 02 tháng và được hai bên gia đình nhất trí. Sau khi kết hôn anh chị ở cùng bố mẹ anh V

tại thôn VP, xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc được 10 tháng thì ở riêng. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng bình thường, đến khoảng tháng 11 năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh V hay ghen do chị đi làm Công ty, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh V lấy cớ say rượu chửi bới đánh đập chị, chị đã phải đi nhập viện vào năm 2018, 2020, tuy nhiên chị không còn giữ giấy tờ gì để xuất trình cho Tòa án. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ năm 2020, chị đã ra ngoài thuê phòng trọ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thị HN, sinh ngày 28/11/1994, Nguyễn Thị TH, sinh ngày 24/4/1996 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 11/02/2000, hiện các cháu đều đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị đều không yêu cầu toà án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị T về thời gian, địa điểm kết hôn, địa điểm chung sống sau khi kết hôn. Theo chị trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu trong thời gian khoảng 01 năm. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013 - 2014 chị T đi làm công ty, thỉnh thoảng xảy ra cãi vã, có 01 lần xảy ra xô xát, đánh nhau, anh đã gọi trưởng thôn xuống giải quyết. Sau đó anh và chị T lại tự giải quyết nội bộ với nhau. Đến khoảng giữa năm 2018, chị T đi thuê nhà trọ để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không gặp gỡ, không liên lạc gì với nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định, mặc dù vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng anh thấy anh vẫn còn tình cảm với chị T, vì con cháu nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thị HN, sinh ngày 28/11/1994, Nguyễn Thị TH, sinh ngày 24/4/1996 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 11/02/2000, hiện các cháu đều đã trưởng thành, anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh cũng đều không yêu cầu toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V, về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn V, hiện đang cư trú tại: Thôn VP, xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 17/9/1993 phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Việc chị T làm đơn xin ly hôn anh V vì xác định quá trình chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là anh V ghen tuông vô cớ, đánh đập chị, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh, cãi nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin được đoàn tụ, tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2022 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh V đều thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã xảy ra xô xát đánh nhau 01 lần, anh đã gọi trưởng thôn xuống giải quyết, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, từ khi ly thân anh chị đã không còn gặp gỡ, quan T, chăm sóc gì đến nhau, vì không muốn ảnh hưởng đến con cái nên anh không đồng ý ly hôn. Điều đó thể hiện việc anh V xin đoàn tụ là không thực T. Bên cạnh đó tại Biên bản xác minh ngày 09 tháng 8 năm 2022 nguyên trưởng thôn VP từ tháng 3 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 khẳng định chị T và anh V đã ly thân từ năm 2018 đến nay, chị T đã không ở cùng nhà với anh V từ năm 2018, thỉnh thoảng chị T mới về nhưng mỗi lần về lại cãi nhau với anh V, ông được anh V trình báo 01 lần vào năm 2021 về việc chị T, anh V đánh nhau, theo ông vợ chồng chị T, anh V đã có mâu thuẫn từ lâu, đến nay anh chị cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T, anh V đều xác nhận anh chị có 03 con chung tên là Nguyễn Thị HN, sinh ngày 28/11/1994, Nguyễn Thị TH, sinh ngày 24/4/1996 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 11/02/2000, hiện các cháu đều đã trưởng thành,

anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị T, anh V đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0003862 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện BX;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện BX;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã TK;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh Lan**